

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-CTTTHSSV
V/v báo cáo, đề xuất phê duyệt chủ trương
Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh
Hà Nội

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Thông báo số 558/TB-VP ngày 24/6/2026 của Văn phòng UBND Thành phố về kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành phố Vũ Thu Hà tại cuộc họp nghe báo cáo chỉ số và đánh giá, đo lường năng lực cảm xúc cho học sinh và chương trình giáo dục thể chất trong trường học; trong đó giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Công an Thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, hoàn thiện Khung năng lực trí tuệ cảm xúc cho học sinh phù hợp với từng cấp học, bảo đảm căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, xác định các nhóm vấn đề theo từng giai đoạn, báo cáo UBND Thành phố xem xét, phê duyệt chủ trương làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

Sau khi nghiên cứu các quy định hiện hành, làm việc với chuyên gia và căn cứ yêu cầu thực tiễn tại các cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo, đề xuất UBND Thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương ban hành Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội và giao các đơn vị triển khai thực hiện cụ thể như sau:

1. Căn cứ xây dựng Khung năng lực

1.1. Căn cứ pháp lý

Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội được đề xuất trên cơ sở các chủ trương, quy định và nhiệm vụ có liên quan, trọng tâm gồm:

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 12/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/01/2026 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 123/2025/QH15 ngày 10/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016;

- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23/4/2026 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2026);

- Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT và các văn bản sửa đổi, bổ sung, trong đó có Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT ngày 12/9/2025;

- Thông tư số 18/2025/TT-BGDĐT ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học;

- Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026-2035.

1.2. Căn cứ khoa học

- Khung năng lực được xây dựng trên cơ sở tham khảo có chọn lọc Khung học tập cảm xúc - xã hội của Tổ chức hợp tác về học thuật và học tập cảm xúc - xã hội (Collaborative for Academic, Social, and Emotional Learning - CASEL) và các mô hình năng lực trí tuệ cảm xúc hiện hành (Goleman, 1995; Mayer, Salovey & Caruso, 2025) được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, văn hóa và môi trường giáo dục của học sinh Hà Nội.

- Việc cụ thể hóa tiêu chí và công cụ đo lường phải tuân thủ nguyên tắc của khoa học đo lường giáo dục và tâm lý: xác định rõ cấu trúc năng lực; sử dụng chỉ báo hành vi quan sát được; đánh giá đa nguồn, đa phương pháp; thẩm định chuyên môn; khảo sát thử; phân tích độ tin cậy, độ giá trị, tính công bằng; chuẩn hóa trên mẫu học sinh Hà Nội trước khi đề xuất áp dụng mở rộng.

1.3. Căn cứ thực tiễn

- Học sinh hiện nay chịu tác động đồng thời của yêu cầu học tập, kiểm tra, thi cử, kỳ vọng của gia đình, cạnh tranh trong học tập và định hướng nghề nghiệp; một bộ phận học sinh có thể gặp khó khăn trong nhận diện, diễn đạt và điều chỉnh cảm xúc khi đối mặt với áp lực, thất bại hoặc thay đổi.

- Đặc điểm tâm sinh lý theo lứa tuổi, nhất là giai đoạn dậy thì và vị thành niên, làm gia tăng nhu cầu khám phá, khẳng định bản thân, tìm kiếm sự công nhận và độc lập; trong khi kỹ năng tự kiểm soát, giải quyết xung đột và tìm kiếm trợ giúp chưa phát triển đồng đều.

- Sự phát triển của môi trường số, mạng xã hội và các hình thức giao tiếp trực tuyến tạo thêm cơ hội học tập, kết nối nhưng cũng làm phát sinh áp lực đồng trang lứa, so sánh xã hội, tin giả, bắt nạt trên mạng, xung đột và nguy cơ lộ lọt thông tin cá nhân.

- Biến đổi trong cấu trúc, nhịp sống gia đình và môi trường đô thị; sự đa dạng về hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, năng lực và nhu cầu giáo dục đòi hỏi nhà trường có cách tiếp cận linh hoạt, tôn trọng khác biệt, tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường, y tế và cộng đồng.

- Công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trong trường học đã được quan tâm nhưng chưa có một khung năng lực thống nhất làm cơ sở thiết kế hoạt động giáo dục, nhận diện nhu cầu hỗ trợ, xây dựng công cụ theo dõi và đánh giá phù hợp với từng cấp học.

- Việc xây dựng Khung năng lực là cần thiết để định hướng giáo dục, phòng ngừa khó khăn về cảm xúc - hành vi, phát hiện sớm nhu cầu hỗ trợ và nâng cao năng lực ứng phó của học sinh; đồng thời phải bảo đảm không gấn nhĩn, không xếp hạng, không tạo thêm áp lực thành tích.

2. Đề xuất Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội

2.1. Nhóm năng lực tự nhận thức

Khả năng nhận biết và gọi tên cảm xúc; hiểu nguyên nhân, biểu hiện và ảnh hưởng của cảm xúc; nhận thức được điểm mạnh, hạn chế, sở thích, nhu cầu, giá trị, mục tiêu và định hướng phát triển của bản thân; hình thành sự tự tin, tự trọng phù hợp.

2.2. Nhóm năng lực tự quản lý và tự điều chỉnh

Khả năng quản lý cảm xúc, kiểm soát phản ứng và hành vi; ứng phó tích cực với căng thẳng, áp lực; rèn luyện tính trung thực, trách nhiệm, kiên trì, tự chủ, linh hoạt, sáng tạo và khả năng thích ứng trước những thay đổi trong học tập và cuộc sống.

2.3. Nhóm năng lực nhận thức xã hội và thấu cảm

Khả năng nhận biết cảm xúc, nhu cầu, hoàn cảnh và quan điểm của người khác; biết quan tâm, chia sẻ, tôn trọng sự khác biệt; có tinh thần nhân ái, ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân và thái độ phù hợp trước các hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, bạo lực.

2.4. Nhóm năng lực xã hội và hợp tác

Khả năng giao tiếp, lắng nghe, thể hiện suy nghĩ và cảm xúc phù hợp; xây dựng, duy trì các mối quan hệ tích cực; hợp tác, làm việc nhóm, hỗ trợ người khác; phòng ngừa, giải quyết mâu thuẫn và tìm kiếm sự trợ giúp khi cần thiết.

2.5. Nhóm năng lực ra quyết định có trách nhiệm

Khả năng nhận diện vấn đề, xác định các phương án, cân nhắc hậu quả, rủi ro và tác động đối với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng; lựa chọn hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật, yêu cầu an toàn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Nội dung chi tiết của 05 nhóm năng lực, các năng lực thành phần và yêu cầu phát triển theo từng cấp học được quy định tại Phụ lục kèm theo Công văn này.

3. Đề xuất tiến độ thực hiện

- **Tháng 7,8/2026:** Hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học. Hoàn thiện Khung và ma trận năng lực. Thành lập nhóm chuyên môn, xây dựng bộ công cụ thí điểm và tài liệu hướng dẫn, xây dựng quy trình bảo mật, hỗ trợ và chuyển tuyến. Lựa chọn cơ sở giáo dục thí điểm và bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt.

- **Tháng 9,10/2026:** Tổ chức thí điểm và giám sát triển khai. Phân tích độ tin cậy, độ giá trị và sự phù hợp. Điều chỉnh Khung năng lực, công cụ và tài liệu. Phát triển chương trình bồi dưỡng và học liệu. Mở rộng phạm vi thí điểm theo điều kiện bảo đảm. Sơ kết, báo cáo và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn.

- **Tháng 11,12/2026:** Tổng kết, đánh giá độc lập. Hoàn thiện và chuẩn hóa bộ công cụ. Xây dựng chuẩn tham chiếu trên dữ liệu đại diện. Đánh giá tác động, nguồn lực và khả năng áp dụng. Hoàn thiện quy trình bảo đảm chất lượng, bảo vệ dữ liệu.

- **Tháng 01/2027:** Triển khai đại trà trên diện rộng.

4. Đề xuất phân công nhiệm vụ

4.1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về việc nghiên cứu, xây dựng, tổ chức thí điểm, hoàn thiện và tham mưu triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai; xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng, lộ trình, nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ thực hiện, cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục; tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo triển khai theo từng giai đoạn.

- Nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc các mô hình, kinh nghiệm trong nước và quốc tế; phối hợp với các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu, chuyên gia trong các lĩnh vực giáo dục học, tâm lý học, khoa học hành vi, đo lường - đánh giá và các đơn vị có liên quan để xây dựng, hoàn thiện Khung năng lực, bộ tiêu chí, bộ công cụ đo lường, tài liệu hướng dẫn và các tài liệu chuyên môn phục vụ triển khai.

- Tổ chức thẩm định chuyên môn, khảo sát thử, đánh giá tính khoa học, độ tin cậy, độ giá trị, tính phù hợp của Khung năng lực và bộ công cụ; hoàn thiện trên cơ sở kết quả thí điểm trước khi báo cáo UBND Thành phố xem xét quyết định việc triển khai trên diện rộng

- Chủ trì lựa chọn cơ sở giáo dục tham gia thí điểm; hướng dẫn, theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả, đánh giá tác động, phân tích những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên tư vấn học đường, nhân viên công tác xã hội trong trường học và các lực lượng có liên quan để bảo đảm triển khai thống nhất, hiệu quả.

- Chủ trì kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND Thành phố và đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Trong quá trình thực hiện, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, tư vấn, khảo sát, xây dựng bộ công cụ, thẩm định chuyên môn, triển khai thí điểm và sử dụng kinh phí thực hiện phải bảo đảm công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật.

4.2. Sở Y tế

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh; nhận diện sớm các dấu hiệu nguy cơ về tâm lý, cảm xúc, hành vi và an toàn của học sinh.

- Hướng dẫn chuyên môn về nhận diện sớm, tư vấn, hỗ trợ và chuyển tuyến đối với học sinh có nhu cầu hỗ trợ chuyên sâu; chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp với cơ sở giáo dục trong công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần học sinh theo quy định.

- Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai Khung năng lực, bảo đảm việc theo dõi, đánh giá năng lực trí tuệ cảm xúc không thay thế hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán hoặc đánh giá tâm lý lâm sàng theo quy định của pháp luật.

4.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tư vấn về phương pháp nghiên cứu, đo lường, đánh giá, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp công nghệ và khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Hỗ trợ nghiên cứu, xây dựng công cụ số, nền tảng quản lý, cơ sở dữ liệu phục vụ thí điểm, giám sát và phân tích dữ liệu tổng hợp; bảo đảm khả năng kết nối, liên thông, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp.

4.4. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

- Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

4.5. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát các nội dung liên quan đến vị trí việc làm, nhiệm vụ của đội ngũ thực hiện công tác tư vấn học đường, công tác xã hội trong trường học và các lực lượng tham gia triển khai Khung năng lực.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ phù hợp với quy định về tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và điều kiện thực tiễn của Thành phố.

4.6. Sở Văn hóa và Thể thao

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao và sinh hoạt cộng đồng phù hợp với từng cấp học nhằm hỗ trợ phát triển sự tự tin, tinh thần hợp tác, kỹ năng giao tiếp, ý thức trách nhiệm và lối sống lành mạnh cho học sinh.

- Phối hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức; phát huy các giá trị văn hóa, kỹ năng ứng xử, lối sống văn minh, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và nhân ái, góp phần phát triển toàn diện học sinh.

4.7. Công an Thành phố

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan hướng dẫn bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân khi xây dựng, vận hành công cụ số, phần mềm, nền tảng hoặc cơ sở dữ liệu phục vụ triển khai Khung năng lực.

- Hướng dẫn phòng ngừa, phát hiện và xử lý nguy cơ lộ, mất, truy cập trái phép, sử dụng sai mục đích dữ liệu cá nhân của học sinh; phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn trường học theo chức năng, nhiệm vụ.

4.8. UBND các phường, xã

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai Khung năng lực theo kế hoạch, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế và không gây áp lực đối với học sinh, cha mẹ học sinh, giáo viên và nhà trường.

- Chỉ đạo tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục, gia đình, cơ sở y tế, tổ chức chính trị - xã hội và các lực lượng trên địa bàn trong công tác giáo dục, tư vấn, hỗ trợ học sinh.

- Huy động các nguồn lực hợp pháp; hỗ trợ cơ sở giáo dục về điều kiện tổ chức hoạt động, cơ sở vật chất và mạng lưới hỗ trợ học sinh.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát; kịp thời chấn chỉnh việc triển khai hình thức, gây quá tải, công khai thông tin cá nhân, sử dụng kết quả sai mục đích hoặc có biểu hiện kỳ thị, phân biệt đối xử.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo UBND Thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Đ/c PGĐ Sở Vương Hương Giang;
- Lưu: VT, CTTT-HSSV.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiền

PHỤ LỤC

DỰ THẢO KHUNG NĂNG LỰC TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA HỌC SINH HÀ NỘI

(Kèm theo Công văn số /SGDDT-CTTTHSSV ngày tháng năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tên gọi và tính chất

Tên gọi thống nhất là “Khung năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh Hà Nội”, sau đây gọi tắt là Khung năng lực.

Khung năng lực là căn cứ định hướng tổ chức hoạt động giáo dục, tư vấn học đường, công tác xã hội trong trường học và xây dựng các công cụ theo dõi, đánh giá, hỗ trợ học sinh.

Khung năng lực không phải bộ đề kiểm tra, thang điểm hoặc tiêu chuẩn xếp loại học sinh; việc đo lường chỉ được thực hiện khi có bộ công cụ được chuẩn hóa, thử nghiệm, thẩm định và hướng dẫn sử dụng theo quy chuẩn.

2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Khung năng lực áp dụng đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; các cơ sở giáo dục phổ thông; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân tham gia giáo dục, tư vấn, hỗ trợ học sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đối với học sinh khuyết tật, học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt hoặc đang được hỗ trợ điều trị theo chỉ định chuyên môn, cơ sở giáo dục lựa chọn phương pháp giáo dục, quan sát và hỗ trợ phù hợp với đặc điểm cá nhân; không so sánh, gán nhãn hoặc phân biệt đối xử.

3. Mục tiêu

Định hướng thống nhất các năng lực trí tuệ cảm xúc cụ thể cần hình thành và phát triển ở học sinh Hà Nội theo từng cấp học.

Làm căn cứ thiết kế hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, công tác chủ nhiệm, tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học.

Hỗ trợ nhận diện điểm mạnh, khó khăn, nhu cầu giáo dục và nhu cầu hỗ trợ của học sinh để có biện pháp phù hợp, kịp thời.

Góp phần phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; xây dựng văn hóa học đường và môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc.

4. Nguyên tắc

4.1. Bảo đảm lợi ích tốt nhất của học sinh: Việc triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc phải hướng tới sự phát triển toàn diện, an toàn, hạnh phúc và phát huy tối đa tiềm năng của học sinh; bảo đảm tôn trọng nhân phẩm, danh dự, sự khác biệt cá nhân, quyền riêng tư và quyền tham gia của học sinh trong các hoạt động giáo dục, đánh giá và hỗ trợ phát triển năng lực trí tuệ cảm xúc.

4.2. Phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm phát triển của học sinh:

Nội dung, yêu cầu cần đạt, phương thức đánh giá và các hoạt động phát triển năng lực trí tuệ cảm xúc phải phù hợp với mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông; đồng thời bảo đảm tính tương thích với đặc điểm tâm sinh lý, năng lực nhận thức, khả năng tự nhận thức và khả năng biểu đạt của học sinh theo từng độ tuổi, cấp học và bối cảnh giáo dục.

4.3. Bảo đảm tính phát triển liên tục và phù hợp lứa tuổi: Khung năng lực trí tuệ cảm xúc phải phản ánh được quá trình phát triển liên tục của học sinh từ tiểu học đến trung học phổ thông; các năng lực, chỉ báo và mức độ biểu hiện được thiết kế theo hướng tăng dần về độ phức tạp, mức độ tự chủ, khả năng tự điều chỉnh và năng lực vận dụng trong các bối cảnh học tập, xã hội và cuộc sống phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

4.4. Đánh giá vì sự phát triển của học sinh: Việc đánh giá năng lực trí tuệ cảm xúc được thực hiện với mục đích hỗ trợ học tập, giáo dục và phát triển cá nhân; cung cấp thông tin để học sinh, gia đình, nhà trường và các bên liên quan xây dựng các biện pháp hỗ trợ phù hợp. Kết quả đánh giá không được sử dụng để xếp hạng, so sánh, phân loại thành tích hoặc tạo áp lực không cần thiết đối với học sinh.

4.5. Bảo đảm tính khoa học, khách quan và toàn diện: Việc đánh giá và phát triển năng lực trí tuệ cảm xúc phải dựa trên các cơ sở khoa học và bằng chứng thực tiễn; sử dụng cách tiếp cận đa nguồn thông tin, đa phương pháp và đa bối cảnh nhằm phản ánh đầy đủ quá trình và kết quả phát triển của học sinh. Các công cụ, thang đo và quy trình đánh giá phải được thẩm định về độ tin cậy, độ giá trị và được thử nghiệm phù hợp trước khi triển khai chính thức.

4.6. Phân biệt giữa năng lực trí tuệ cảm xúc và sức khỏe tâm thần: Năng lực trí tuệ cảm xúc là một năng lực phát triển của cá nhân, không đồng nhất với tình trạng sức khỏe tâm thần, bệnh lý tâm thần hoặc các rối loạn tâm lý. Việc triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc không nhằm mục đích chẩn đoán, kết luận hoặc thay thế các hoạt động đánh giá chuyên môn trong lĩnh vực y tế và sức khỏe tâm thần.

4.7. Bảo đảm an toàn, bảo mật và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm: Việc thu thập, lưu trữ, xử lý, chia sẻ và sử dụng dữ liệu liên quan đến năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh phải tuân thủ nguyên tắc tối thiểu, cần thiết, đúng mục đích và phục vụ lợi ích giáo dục của học sinh; đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu cá nhân và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

4.9. Bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng: Việc phát triển năng lực trí tuệ cảm xúc của học sinh cần được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng giáo dục liên quan, bảo đảm tính thống nhất trong định hướng giáo dục, tạo môi trường thuận lợi để

học sinh được thực hành, trải nghiệm và phát triển năng lực trong nhiều bối cảnh khác nhau.

4.10. Tôn trọng sự đa dạng văn hóa và bối cảnh phát triển: Việc xây dựng và triển khai Khung năng lực trí tuệ cảm xúc cần bảo đảm tính phù hợp với bối cảnh văn hóa, xã hội và giáo dục của Thủ đô Hà Nội và Việt Nam; đồng thời tiếp cận các chuẩn mực, bằng chứng khoa học và xu hướng quốc tế về phát triển năng lực cảm xúc – xã hội, bảo đảm tính hội nhập và khả năng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu.

II. CẤU TRÚC KHUNG NĂNG LỰC

TT	Nhóm năng lực	Nội dung khái quát
1	Tự nhận thức	Nhận biết cảm xúc; hiểu điểm mạnh, điểm yếu; nhận biết giá trị bản thân, nhu cầu, mục tiêu và định hướng phát triển bản thân.
2	Tự quản lý và tự điều chỉnh	Điều chỉnh cảm xúc, hành vi; kiểm soát căng thẳng; trung thực, trách nhiệm, kiên trì; linh hoạt và sáng tạo trong giải quyết vấn đề.
3	Nhận thức xã hội và đồng cảm	Nhận biết cảm xúc, nhu cầu, quan điểm của người khác; tôn trọng sự khác biệt; ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân và tinh thần nhân ái.
4	Quan hệ và hợp tác	Giao tiếp, lắng nghe, hợp tác, làm việc nhóm; xây dựng, duy trì quan hệ tích cực; phòng ngừa, quản lý xung đột; hỗ trợ người khác phù hợp với lứa tuổi.
5	Ra quyết định có trách nhiệm	Nhận diện vấn đề, cân nhắc hậu quả, lựa chọn hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật, an toàn của bản thân và cộng đồng; biết tìm kiếm hỗ trợ khi cần thiết.

1. Nhóm năng lực tự nhận thức

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Nhận biết cảm xúc	Nhận biết, gọi tên được một số cảm xúc cơ bản của bản thân trong các tình huống quen thuộc; bước đầu nhận biết biểu hiện của cảm xúc qua nét mặt, lời nói, cơ thể; biết chia sẻ với người lớn khi cần giúp đỡ.	Phân biệt được các trạng thái cảm xúc; nhận diện nguyên nhân, biểu hiện và ảnh hưởng của cảm xúc đến suy nghĩ, hành vi trong học tập, quan hệ gia đình, bạn bè.	Nhận diện được cảm xúc phức tạp, cảm xúc đan xen hoặc mâu thuẫn; phân tích được mối quan hệ giữa cảm xúc, suy nghĩ, hành vi, giá trị cá nhân và lựa chọn của bản thân.

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Hiểu bản thân	Nhận biết được sở thích, nhu cầu, điểm mạnh và những điều cần cố gắng của bản thân trong học tập, vui chơi, sinh hoạt.	Tự đánh giá tương đối khách quan điểm mạnh, hạn chế, nhu cầu và khả năng của bản thân; biết xác định mục tiêu rèn luyện ngắn hạn phù hợp.	Xác định được giá trị, phẩm chất, năng lực, mục tiêu cá nhân gắn với định hướng học tập, nghề nghiệp và trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng.
Tự tin và tự trọng	Mạnh dạn trình bày ý kiến, tham gia hoạt động; biết trân trọng bản thân và tiếp nhận sự hướng dẫn, động viên của người khác.	Chấp nhận những điểm chưa hoàn thiện; biết tiếp nhận góp ý có chọn lọc; tự tin thể hiện khả năng trên cơ sở tôn trọng người khác.	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển bản thân; có bản lĩnh thể hiện chính kiến, bảo vệ giá trị đúng đắn và chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

2. Nhóm năng lực tự quản lý và tự điều chỉnh

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Quản lý cảm xúc	Biết dừng lại, bình tĩnh và sử dụng một số cách đơn giản để điều chỉnh cảm xúc, hạn chế phản ứng bộc phát trong tình huống quen thuộc.	Biết tự trấn an, kiểm soát căng thẳng, trì hoãn phản ứng tiêu cực; lựa chọn cách thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	Biết quản lý cảm xúc trong tình huống áp lực, xung đột hoặc thất bại; lựa chọn cách ứng phó tích cực, không gây hại cho bản thân và người khác.
Trung thực và trách nhiệm	Tuân thủ quy tắc; biết nhận lỗi, sửa lỗi; thực hiện nhiệm vụ phù hợp được giao.	Biết tự đánh giá hành vi; giữ lời hứa; có trách nhiệm với công việc cá nhân và công việc chung.	Thể hiện sự nhất quán giữa lời nói, hành vi và giá trị cá nhân; chịu trách nhiệm về lựa chọn và tác động của lựa chọn đối với tập thể, cộng đồng.

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Kiên trì, linh hoạt và sáng tạo	Duy trì nỗ lực trong nhiệm vụ phù hợp; sẵn sàng thử cách làm khác và biết nhờ hỗ trợ khi gặp khó khăn.	Biết điều chỉnh kế hoạch khi điều kiện thay đổi; kiên trì khắc phục khó khăn; vận dụng nhiều cách giải quyết vấn đề.	Chủ động thích ứng với thay đổi, cân bằng giữa kiên định mục tiêu và linh hoạt phương pháp; có khả năng đề xuất giải pháp mới trong học tập và hoạt động xã hội.

3. Nhóm năng lực nhận thức xã hội và thấu cảm

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Đồng cảm	Nhận biết cảm xúc của bạn bè, người thân qua nét mặt, lời nói, hành vi; biết hỏi thăm, chia sẻ và giúp đỡ phù hợp.	Hiểu được tác động của lời nói, hành vi của mình đến người khác; chia sẻ, giúp đỡ và phản hồi phù hợp.	Biết xem xét vấn đề từ nhiều góc nhìn; thể hiện sự thấu hiểu, tôn trọng và phản hồi có tính xây dựng đối với người khác.
Tôn trọng sự khác biệt	Nhận biết mỗi người có sở thích, hoàn cảnh, khả năng và đặc điểm khác nhau; biết cư xử tôn trọng.	Nhận thức được sự khác biệt về thể chất, giới, văn hóa, hoàn cảnh, năng lực; tôn trọng, không trêu chọc, kỳ thị hoặc phân biệt đối xử.	Chủ động góp phần xây dựng môi trường hòa nhập, tôn trọng sự đa dạng; biết lên tiếng và tìm kiếm hỗ trợ trước hành vi kỳ thị, bạo lực.
Ý thức cộng đồng	Nhận biết hành vi của bản thân có thể ảnh hưởng đến gia đình, lớp học, nhà trường.	Hiểu vai trò của hợp tác, chia sẻ, kỷ luật và trách nhiệm trong nhóm, lớp và cộng đồng. Ý thức xây dựng tập thể	Nhận thức trách nhiệm công dân; chủ động tham gia hoạt động xã hội, cộng đồng phù hợp với khả năng và quy định của pháp luật.

4. Nhóm năng lực quan hệ và hợp tác

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Giao tiếp và lắng nghe	Diễn đạt được suy nghĩ, cảm xúc, nhu cầu bằng lời nói và hành vi phù hợp; biết chú ý lắng nghe người khác.	Lựa chọn cách diễn đạt phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh; biết trao đổi để hạn chế hiểu lầm, tin đồn và xung đột.	Giao tiếp rõ ràng, quyết đoán, tôn trọng; biết lắng nghe chủ động, phản hồi xây dựng và điều chỉnh cách giao tiếp trong các mối quan hệ đa dạng.
Hợp tác và làm việc nhóm	Tham gia hoạt động nhóm; biết chia sẻ, chờ đến lượt và thực hiện vai trò đơn giản.	Biết phân công, phối hợp, chia sẻ thông tin và hỗ trợ thành viên để hoàn thành nhiệm vụ chung.	Biết xây dựng cam kết, điều phối công việc, khuyến khích sự tham gia và chịu trách nhiệm về kết quả chung của nhóm.
Quản lý xung đột và hỗ trợ người khác	Biết từ chối hành vi không an toàn; biết tìm người lớn hỗ trợ khi xảy ra mâu thuẫn hoặc gặp khó khăn.	Nhận diện nguyên nhân xung đột; biết trao đổi, thương lượng, hòa giải và tìm kiếm hỗ trợ phù hợp.	Biết hỗ trợ bạn bè trong phạm vi khả năng; nhận thức giới hạn trách nhiệm; kịp thời chuyển thông tin cho người có trách nhiệm hoặc chuyên môn khi vấn đề vượt quá khả năng tự giải quyết.

5. Nhóm năng lực ra quyết định có trách nhiệm

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Nhận diện vấn đề	Nhận biết được tình huống đúng - sai, an toàn - không an toàn trong học tập, sinh hoạt và tương tác xã hội	Xác định được vấn đề, nguyên nhân, các phương án lựa chọn và người có thể hỗ trợ.	Phân tích vấn đề theo nhiều góc nhìn, bao gồm lợi ích cá nhân, lợi ích chung, quy định pháp luật, chuẩn mực đạo đức và yêu cầu an toàn.

Năng lực thành phần	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
Cân nhắc hậu quả và rủi ro	Biết suy nghĩ trước khi hành động; nhận biết một số hậu quả trực tiếp của hành vi.	Cân nhắc tác động của lựa chọn đối với bản thân, bạn bè, gia đình, lớp học và nhà trường.	Đánh giá hệ quả ngắn hạn, dài hạn; nhận diện rủi ro trong môi trường trực tiếp và môi trường số; cân nhắc khả năng khắc phục hậu quả.
Lựa chọn và chịu trách nhiệm	Lựa chọn hành vi phù hợp với quy tắc gia đình, lớp học, nhà trường; biết sửa lỗi khi được hướng dẫn.	Đưa ra những lựa chọn hành vi phù hợp với chuẩn mực; biết chịu trách nhiệm và điều chỉnh khi nhận thấy quyết định chưa phù hợp.	Ra quyết định có trách nhiệm; biết bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và an toàn của bản thân, người khác; chủ động tìm kiếm trợ giúp chuyên môn khi cần thiết.

III. PHƯƠNG PHÁP THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ

Việc theo dõi, đánh giá được thực hiện bằng nhiều phương pháp, nhiều nguồn thông tin, phù hợp với độ tuổi và mục đích giáo dục, gồm:

- Tự phản ánh của học sinh thông qua trao đổi, sản phẩm học tập, nhật ký, phiếu hỏi hoặc hình thức phù hợp;
- Quan sát có mục đích của giáo viên và người làm công tác tư vấn học đường trong hoạt động học tập, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể;
- Phản hồi của cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ theo nội dung ngắn gọn, cần thiết;
- Bài tập tình huống, thảo luận, đóng vai, nhiệm vụ trải nghiệm hoặc dự án;
- Trao đổi cá nhân trong trường hợp học sinh có nhu cầu hỗ trợ.

Đối với học sinh lớp 1, lớp 2 và học sinh chưa có khả năng tự phản ánh ổn định, ưu tiên quan sát, kể chuyện, vẽ, trò chơi, trao đổi trực tiếp hoặc hoạt động tình huống; không yêu cầu thực hiện độc lập phiếu hỏi dài hoặc nội dung trừu tượng.

Chỉ tổ chức đo lường bằng bộ công cụ sau khi đã được thẩm định, thử nghiệm, hướng dẫn sử dụng và xác định rõ phạm vi áp dụng. Kết quả phải được diễn giải bởi người đã được tập huấn, trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn thông tin; không kết luận về học sinh chỉ từ một lần đo hoặc một nguồn dữ liệu.

IV. SỬ DỤNG KẾT QUẢ

Kết quả theo dõi, đánh giá được sử dụng để:

- Nhận diện điểm mạnh và khả năng cần phát huy của học sinh;

- Xác định nội dung cần củng cố thông qua hoạt động giáo dục;
- Phát hiện nhu cầu tư vấn, hỗ trợ và xây dựng biện pháp phù hợp;
- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục, hoạt động trải nghiệm, công tác chủ nhiệm và tư vấn học đường;
- Xác định nhu cầu tập huấn đội ngũ, xây dựng học liệu và bố trí nguồn lực;
- Tổng hợp xu hướng ở dạng dữ liệu đã được ẩn danh để phục vụ quản lý, nghiên cứu và hoạch định chính sách giáo dục.

Không sử dụng kết quả để:

- Xếp loại hoặc xếp hạng học sinh, lớp học, giáo viên, cơ sở giáo dục;
- Tuyển chọn, phân luồng, khen thưởng, kỷ luật hoặc xét thi đua;
- Gắn nhãn học sinh hoặc công khai thông tin nhạy cảm;
- Chẩn đoán bệnh, rối loạn tâm lý hoặc thay thế đánh giá chuyên môn y tế;
- Quảng cáo, thương mại hóa hoặc sử dụng ngoài mục đích giáo dục, tư vấn và hỗ trợ học sinh.